

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh không nhằm mục đích thương mại

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 30/07/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự và Cơ quan Đại diện của Tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 211/1999/QĐ-TTg ngày 31/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh không nhằm mục đích thương mại như sau:

I. Quy định chung:

1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1. Thông tư này hướng dẫn việc nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh không nhằm mục đích thương mại (01 chiếc xe); từ chiếc xe thứ 02 trở lên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

1.2. - Xe gắn máy hai bánh bao gồm xe máy hai bánh có dung tích xilanh dưới 50 cm³, xe mô tô hai bánh có dung tích xilanh từ 50 cm³ trở lên.

- Xe gắn máy hai bánh thuộc nhóm 8711 mã số hàng hóa trong Biểu Thuế xuất nhập khẩu (có hiệu lực với Thông tư này).

2. Đối tượng điều chỉnh:

2.1. Mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân được nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh không nhằm mục đích thương mại, mới 100%.

2.2. Các đối tượng dưới đây được nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh đã qua sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển (xe gắn máy hai bánh được sản xuất trong thời hạn tối đa là 03 năm tính đến thời điểm nhập khẩu):

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao;
- b) Cá nhân được hưởng ưu đãi về chính sách thuế theo quy định của nhà nước Việt Nam;
- c) Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép trở về định cư ở Việt Nam;
- d) Công dân Việt Nam được cơ quan Nhà nước (bao gồm Quốc Hội, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) cử đi công tác, làm việc, làm chuyên gia ở nước ngoài với thời hạn 3 năm trở lên (không bao gồm người đi học tập, lao động).

3. Chính sách thuế:

Nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh thực hiện theo chính sách thuế hiện hành áp dụng cho từng đối tượng cụ thể.

II. Quy định về việc nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh:

1. Về hồ sơ hải quan:

- 1.1. Tờ khai hải quan xuất khẩu / nhập khẩu phi mậu dịch: 02 bản chính.
- 1.2. Vận tải đơn: 02 bản copy ;
- 1.3. Văn bản đề nghị nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe gắn máy hai bánh và các giấy tờ liên quan khác theo quy định hiện hành đối với từng đối tượng cụ thể (như công hàm đề nghị và các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu đối với xe gắn máy hai bánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao quy định tại Nghị định số 73/CP ngày 30/07/1994 của Chính phủ; văn bản xác nhận của cơ quan Nhà nước Việt Nam mời người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc quy định tại Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ, văn bản xác nhận là đối tượng chuyên gia ODA quy định tại Quyết định số 211/1999/QĐ-TTg ngày 31/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ ...).

1.4. Riêng đối tượng nêu tại điểm 2.2.c, 2.2.d, mục I Thông tư này nếu nhập khẩu xe gắn máy hai bánh đã qua sử dụng phải bổ sung thêm các giấy tờ sau :